

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số.../2024/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày ... tháng 5 năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển
hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều có Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

Căn cứ Thông tư số 52/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh tại Tờ trình số ... ngày ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 04/2009/QĐ-UBND ngày 06/03/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh; Và đồng thời bãi bỏ các Quyết định số 1333/QĐ-UBND ngày 08/5/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế cho vay đầu tư của Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 4221/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Chủ tịch Liên minh HTX tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh, Chủ tịch, kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị

xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy (đề b/c);
- TT HĐND (đề b/c);
- CT, các PCT UBND;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Các Sở KH&ĐT, Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Lao động;
- Chi nhánh NHNN tỉnh Hà Tĩnh;
- Liên minh HTX tỉnh Hà Tĩnh;
- Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ TỈNH HÀ TĨNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “*Quỹ*” là Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.
- “*Nghị định số 45/2021/NĐ-CP*” là Nghị định số 45/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.
- “*Khách hàng*” là pháp nhân hoặc cá nhân thuộc đối tượng được vay vốn của Quỹ theo quy định.
- “*Cho vay*” là việc Quỹ giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.
- “*Ủy thác cho vay*” là việc Quỹ giao vốn cho bên nhận ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ.
- “*Nhận ủy thác cho vay*” là việc Quỹ nhận vốn của bên ủy thác để thực hiện cho vay đối với khách hàng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định của Quỹ theo thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.
- “*Vốn điều lệ thực có*” là mức vốn điều lệ trên sổ sách kế toán cộng hoặc trừ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán tại cùng một thời điểm.
- “*Nợ xấu*” là nợ thuộc các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo quy chế về phân loại nợ của Quỹ hợp tác xã.

9. “*Người có liên quan*” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác trong quan hệ vay vốn đối với Quỹ quy định tại Điều lệ này thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Liên hiệp hợp tác xã với các hợp tác xã thành viên và thành viên của hợp tác xã thành viên và ngược lại;
- b) Hợp tác xã với các thành viên và ngược lại;
- c) Các thành viên trong cùng một Tổ hợp tác.

10. “*Người quản lý Quỹ*” là Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

11. Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi (nếu có); văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là Quỹ) được thành lập theo Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 1223/QĐ-UBND ngày 15/05/2024 của UBND tỉnh về việc Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 05/02/2009 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong huy động và sử dụng vốn nhằm thực hiện chức năng cho vay cho Hợp tác xã, Liên hiệp Hợp tác xã, thành viên của tổ hợp tác và hợp tác xã theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP ngày 31/3/2021 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và pháp luật có liên quan;

3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật. Quỹ được thành lập, tổ chức, hoạt động, phá sản và giải thể theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật liên quan.

4. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 3. Tên gọi và nơi đặt trụ sở chính

1. Tên gọi:

a) Tên gọi bằng tiếng Việt: Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

b) Tên viết tắt: HTCF;

c) Tên giao dịch quốc tế: HaTinh Province Cooperative Fund.

2. Trụ sở chính: Tại số 75 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh;

Email: quyhotrophattrienhtx@gmail.com

Website: <https://quyhotrophattrienhtxhatinh.vn>

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn trong nước và ngoài nước; các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp; ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Huy động vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

3. Cho vay khách hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

4. Thực hiện các hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư; đào tạo cho các khách hàng vay vốn theo quy định trong Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

5. Ủy thác, nhận ủy thác cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan cấp trên giao.

Điều 5. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Tự chủ về tài chính, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Cho vay theo đúng đối tượng và có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế cho vay của Quỹ.

3. Huy động vốn của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế huy động vốn của Quỹ, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả, hoàn trả cả gốc và lãi đúng thời hạn.

4. Phạm vi hoạt động: Hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ

1. Trách nhiệm của Quỹ

a) Thực hiện cho vay đúng đối tượng, đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

b) Sử dụng vốn đúng mục đích theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan;

c) Thực hiện chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

đ) Cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính và tình hình hoạt động theo Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

e) Mua bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo an toàn cho hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

g) Ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh để phê duyệt, ban hành hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt, ban hành các văn bản quy trình, quy chế nội bộ về tổ chức quản trị và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh, phù hợp với thẩm quyền và quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật và phù hợp với Điều lệ này;

b) Được lựa chọn các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, có hiệu quả, đủ điều kiện, phù hợp với chính sách hỗ trợ khách hàng của Quỹ để thực hiện cho vay theo quy định tại Quy chế cho vay của Quỹ;

c) Được yêu cầu các đơn vị có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh đang được Quỹ xem xét hoặc đã được Quỹ hỗ trợ cho vay cung cấp thông tin có liên quan về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tín dụng.

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng vốn cũng như những vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án của các đối tượng được Quỹ cho vay.

đ) Đình chỉ việc hỗ trợ, cho vay hoặc thu hồi vốn trước hạn, phát mại tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm các cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

e) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan;

f) Được từ chối mọi yêu cầu của cá nhân hay tổ chức về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực của Quỹ nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 7. Tuân thủ pháp luật; hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật quy định của các tổ chức đó.

3. Quỹ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

4. Quỹ tuân thủ pháp luật và thực hiện quy định về phòng, chống tham nhũng trong tổ chức và hoạt động.

Chương II HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 8. Cho vay

1. Đối tượng cho vay

a) Cá nhân là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã (trừ đối tượng thành viên hợp tác xã là doanh nghiệp);

b) Pháp nhân là hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đối tượng được ưu tiên cho vay từ nguồn vốn Quỹ căn cứ vào chiến lược phát triển của Quỹ.

2. Phạm vi cho vay: Quỹ cho vay đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này trên phạm vi tỉnh Hà Tĩnh.

3. Khách hàng vay vốn của Quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khách hàng thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Khách hàng vay vốn là pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật. Cá nhân phải đủ 18 tuổi trở lên và có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;

c) Khách hàng có dự án đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh được Quỹ thẩm định, đánh giá là khả thi và có khả năng hoàn trả nợ vay;

d) Khách hàng thực hiện quy định về bảo đảm tiền vay theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP;

đ) Khách hàng có vốn chủ sở hữu tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tối thiểu là 20% tổng vốn đầu tư dự án, phương án sản xuất kinh doanh.

e) Tại thời điểm giải ngân lần đầu tiên của Quỹ sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng.

4. Mức vốn cho vay và giới hạn cho vay

a) Mức vốn cho vay: Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, Quỹ xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ.

b) Giới hạn cho vay

- Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng không vượt quá 15% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay;

- Tổng mức cho vay đối với một khách hàng và người, tổ chức có liên quan không vượt quá 25% vốn điều lệ thực có của Quỹ tại thời điểm quyết định cho vay.

5. Thời hạn vay vốn

Căn cứ vào chu kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ của khách hàng, khả năng nguồn vốn của Quỹ, Quỹ và khách hàng thỏa thuận về thời hạn cho vay, tối đa không quá 7 (bảy) năm.

1. Phương thức cho vay

a) Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, Quỹ và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay.

b) Cho vay hợp vốn: Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam hoặc tổ chức tín dụng khác cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng để thực hiện một phương án, dự án vay vốn.

c) Cho vay lưu vụ: Quỹ thực hiện cho vay đối với khách hàng để nuôi trồng, chăm sóc các cây trồng, vật nuôi có tính chất mùa vụ theo chu kỳ sản xuất liền kề trong năm hoặc các cây lưu gốc, cây công nghiệp có thu hoạch hàng năm. Theo đó, Quỹ và khách hàng thỏa thuận dư nợ gốc của chu kỳ trước tiếp tục được sử dụng cho chu kỳ sản xuất tiếp theo nhưng không vượt quá thời gian của 02 chu kỳ sản xuất liên tiếp.

d) Cho vay theo hạn mức: Quỹ xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Quỹ thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, Quỹ xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này.

2. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay, thu nợ

a) Lãi suất cho vay phù hợp với chính sách ưu đãi, kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã của Chính phủ và địa phương, đồng thời đảm bảo nguyên tắc trang trải đủ chi phí hoạt động, phòng ngừa rủi ro của Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất cho vay.

b) Lãi suất quá hạn đối với từng trường hợp cụ thể do Quỹ quyết định, tối đa bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian quá hạn.

c) Chủ tịch Quỹ quy định lãi suất cho vay, lãi quá hạn trong từng thời kỳ sau khi có ý kiến phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định miễn, giảm lãi đối với từng trường hợp cụ thể.

d) Đồng tiền cho vay và thu nợ là đồng Việt Nam.

8. Bảo đảm tiền vay

a) Việc áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay hoặc không có bảo đảm bằng tài sản do Quỹ và khách hàng thỏa thuận theo Quy chế về bảo đảm tiền vay của Quỹ và phù hợp với quy định của pháp luật về biện pháp đảm bảo;

b) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm;

c) Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế bảo đảm tiền vay, trong đó quy định rõ từng biện pháp bảo đảm tiền vay, thẩm quyền quyết định miễn tài sản bảo đảm, sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

9. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Quỹ xem xét quyết định cơ cấu lại thời hạn trả nợ (bao gồm biện pháp điều chỉnh kỳ hạn nợ, gia hạn nợ) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Quỹ và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, như sau:

a) Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Quỹ xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng; thời hạn cho vay không thay đổi.

b) Khách hàng không có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Quỹ đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Quỹ xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của khách hàng nhưng tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay theo Hợp đồng tín dụng.

c) Giám đốc Quỹ xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng vay.

10. Quỹ ban hành quy định về cho vay, quản lý tiền vay phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Trong đó, quy định cụ thể về: Đối tượng cho vay, điều kiện cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn, hồ sơ cho vay, thu nợ, quy trình và thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ, chuyển nợ quá hạn, quy trình thẩm định, phê duyệt và quyết định cho vay; quy trình kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng; áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, các trường hợp được miễn tài sản đảm bảo căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ rủi ro và khả năng trả nợ của khách hàng; thẩm quyền quyết định đối với từng biện pháp bảo đảm; xử lý rủi ro và các quy định cụ thể khác.

Điều 9. Nhận ủy thác cho vay

1. Quỹ nhận ủy thác cho vay từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Quỹ được hưởng phí ủy thác, mức phí nhận ủy thác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng ủy thác.

3. Chủ tịch quỹ ban hành quy định nhận ủy thác cho vay của Quỹ.

Điều 10. Phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong cho vay

1. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng đối với dư nợ cho vay trực tiếp và dư nợ từ nguồn vốn nhận ủy thác mà Quỹ chịu rủi ro theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

2. Đối với những khoản vay ủy thác hoặc nhận ủy thác mà Quỹ không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

3. Sau 05 năm kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay và đã sử dụng mọi biện pháp mà không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ, Chủ tịch Quỹ quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh hợp tác xã Hà Tĩnh sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro trong cho vay của Quỹ.

Điều 11. Hội đồng xử lý rủi ro

1. Chủ tịch Quỹ thành lập Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ làm Chủ tịch hội đồng và các thành viên gồm Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ hoặc phó giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tín dụng và các thành viên khác do Chủ tịch Quỹ quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro:

a) Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ báo cáo;

b) Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

c) Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xóa nợ gốc trên cơ sở đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro;

d) Trình Chủ tịch Quỹ xem xét quyết định việc khoan nợ gốc và lãi trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ;

đ) Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay;

e) Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro;

g) Chuẩn bị thủ tục, trình tự, hồ sơ để xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định tại Điều lệ này và quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP;

h) Xây dựng quy chế hoạt động nội bộ của Hội đồng xử lý rủi ro do Chủ tịch Quỹ ban hành.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Quỹ phân công hoặc ủy quyền.

Điều 12. Xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro cho vay

1. Các biện pháp xử lý rủi ro đối với dư nợ cho vay trực tiếp của Quỹ:

a) Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ/số tiền trả nợ;

b) Gia hạn nợ vay;

c) Khoanh nợ;

d) Xử lý tài sản bảo đảm tiền vay;

đ) Xóa nợ lãi;

e) Xóa nợ gốc;

g) Các biện pháp xử lý rủi ro khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử lý rủi ro trong hoạt động ủy thác cho vay thực hiện theo quy định về ủy thác cho vay do Chủ tịch Quỹ ban hành.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ, Chủ tịch Quỹ quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh hợp tác xã Hà Tĩnh sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đồng thời xem xét phê duyệt về chủ trương miễn, giảm lãi trong hạn và quá hạn.

4. Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xóa nợ gốc trên cơ sở đề xuất của Hội đồng xử lý rủi ro.

5. Chủ tịch Quỹ xem xét quyết định:

a) Xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Liên minh hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh sau khi báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

b) Quyết định khoanh nợ đối với từng trường hợp cụ thể theo đề xuất của Hội đồng xử lý rủi ro sau khi được Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt về chủ trương.

6. Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện theo khoản 2, **Điều 11** Điều lệ này.

7. Giám đốc Quỹ xem xét quyết định:

a) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ (điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ);

b) Chuyển nợ quá hạn, áp dụng các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Huy động vốn

1. Quỹ thực hiện huy động vốn thông qua các hình thức sau:

- a) Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính;
- b) Vay của tổ chức, cá nhân ngoài Quỹ;
- c) Vay của người lao động trong Quỹ;
- d) Nhận tiền gửi từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam;
- đ) Phát hành trái phiếu;

e) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên qua.

2. Nguyên tắc huy động vốn:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ;

b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

e) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền huy động vốn:

a) Chủ tịch Quỹ quyết định việc huy động vốn tối đa không vượt quá 5 (năm) lần vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Quỹ tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

c) Trường hợp huy động vốn vượt quá mức quy định tại điểm a khoản này, Chủ tịch Quỹ báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xem xét, quyết định.

4. Chủ tịch Quỹ xây dựng Đề án huy động vốn từ thị trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt; ban hành quy chế huy động vốn của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 14. Hoạt động khác của Quỹ

1. Quỹ thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho đối tượng khách hàng vay vốn Quỹ, bao gồm:

- a) Dịch vụ tư vấn đầu tư;
- b) Dịch vụ tư vấn tài chính;
- c) Dịch vụ đào tạo.

2. Nguyên tắc tổ chức thực hiện các loại hình dịch vụ:

- a) Có kế hoạch/phương án tổ chức các loại hình dịch vụ;
 - b) Chỉ tự thực hiện các dịch vụ nếu đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc thuê dịch vụ bên ngoài nếu không đủ điều kiện;
 - c) Chi phí thực hiện được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.
3. Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về hoạt động dịch vụ khác của Quỹ.

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ; CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY QUỸ

Mục 1

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ

Điều 15. Quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

1. Phê duyệt Đề án thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Giám sát việc tổ chức thực hiện và quản lý Quỹ theo Quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

1. Quyết định thành lập, giải thể và phá sản các Quỹ hợp tác xã địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;
2. Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước được Hội đồng nhân dân cùng cấp chấp thuận, quyết định cấp vốn điều lệ cho Quỹ hợp tác xã địa phương theo quy định tại Nghị định này và quyết định điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Quỹ hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;
3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện đối với hoạt động của Quỹ hợp tác xã địa phương;
4. Báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này;
5. Kiến nghị những giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoạt động Quỹ hợp tác xã; kiến nghị bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động Quỹ hợp tác xã;
6. Hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về kết quả hoạt động của Quỹ hợp tác xã, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ theo thẩm quyền;
7. Các nội dung khác thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan.

Điều 17. Quyền hạn, trách nhiệm của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành, sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm của Quỹ.

2. Xây dựng phương án, Đề án bổ sung vốn điều lệ của Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt sau khi có ý kiến của Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi thành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

6. Phê duyệt Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên của Quỹ.

7. Thực hiện việc giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch hoạt động và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm và kế hoạch hàng năm của Quỹ; đánh giá kết quả thực hiện và xếp loại Quỹ hàng năm.

8. Lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập đối với Quỹ.

9. Thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm khác do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giao.

Mục 2

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ

Điều 18. Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quỹ gồm:

1. Chủ tịch Quỹ.

2. Kiểm soát viên.

3. Ban điều hành gồm: Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Điều 19. Chủ tịch Quỹ

1. Chủ tịch Quỹ là người đại diện chủ sở hữu thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Quỹ; nhiệm kỳ của Chủ tịch Quỹ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Quỹ do một lãnh đạo Liên minh hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh kiêm nhiệm.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Chủ tịch Quỹ:

a) Là công dân Việt Nam, cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

b) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ;

c) Có trình độ đại học trở lên trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;

d) Có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán;

đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh; Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Quỹ:

a) Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chiến lược, kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm;

- Xây dựng và trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ;

b) Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, đối với chức danh kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ;

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, đánh giá, bổ nhiệm lại; chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ và ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã tỉnh;

d) Báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; cơ cấu, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình, giải thể, phá sản Quỹ;

đ) Trình Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên Quỹ;

e) Quyết định ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh Hợp tác xã cấp tỉnh;

g) Thay mặt Quỹ ký nhận vốn, các nguồn lực khác do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân giao cho Quỹ;

h) Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về hoạt động dịch vụ khác của Quỹ sau khi có ý kiến chấp thuận của Liên minh hợp tác xã tỉnh và ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Quỹ;

i) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hiệu quả làm việc của Giám đốc;

k) Yêu cầu người điều hành Quỹ cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của đơn vị;

l) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong các hoạt động giao dịch, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

5. Chủ tịch Quỹ sử dụng bộ máy giúp việc của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ này. Kinh phí hoạt động của Chủ tịch Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ được tính vào chi phí hoạt động bộ máy của Quỹ.

Điều 20. Kiểm soát viên Quỹ

1. Kiểm soát viên Quỹ giúp Liên minh Hợp tác xã tỉnh kiểm soát việc tổ chức thực hiện các hoạt động quản lý, điều hành của Chủ tịch và Giám đốc Quỹ hợp tác xã địa phương và các nội dung khác có liên quan.

Kiểm soát viên Quỹ do UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm. Việc bổ nhiệm Kiểm soát viên Quỹ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Nghị định số 45/2021/NĐ-CP và khoản 3 Điều này.

Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định số 45/2021/NĐ-CP

2. Kiểm soát viên có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Kiểm soát viên:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, khoản 3 **Điều 20** Điều lệ này;

b) Có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, luật, kế toán, kiểm toán và kinh nghiệm về kiểm soát trong hoạt động tín dụng;

c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh; Chủ tịch, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

a) Giám sát việc quản lý, điều hành và thực hiện Điều lệ Quỹ của Chủ tịch, Giám đốc Quỹ;

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Quỹ, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Chủ tịch quỹ, Giám đốc Quỹ;

d) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành của Quỹ khi xét thấy cần thiết hoặc theo chỉ đạo của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

đ) Kịp thời thông báo cho Chủ tịch Quỹ, Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh khi phát hiện người quản lý Quỹ có hành vi vi phạm, yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và kiến nghị giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có);

e) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này cho Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

g) Có quyền tiếp cận các hồ sơ tài liệu của Quỹ lưu trữ tại trụ sở chính và các địa điểm khác, có quyền đến các nơi người quản lý và cán bộ nhân viên của Quỹ làm việc;

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

5. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Tuân thủ pháp luật, quyết định của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại Quỹ;

c) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Quỹ thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Quỹ mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

6. Chế độ làm việc của Kiểm soát viên

a) Hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách tại Quỹ;

b) Độc lập và chủ động thực hiện các công việc theo kế hoạch;

c) Có trách nhiệm xây dựng kế hoạch công tác và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

7. Chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được tính vào chi phí quản lý của Quỹ theo quy định của pháp luật.

8. Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ theo quy định về quy chế hoạt động của Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, phù hợp với quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

Điều 21. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ trực tiếp điều hành hoạt động của Quỹ; do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ; nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Việc bổ nhiệm Giám đốc Quỹ phải đáp ứng các tiêu

chuẩn, điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 17 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

2. Giám đốc Quỹ có thể kiêm nhiệm hoặc chuyên trách. Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 Điều 19 Điều lệ này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh; Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành để thực thi nhiệm vụ;

b) Tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này; thực hiện quyết định của Chủ tịch Quỹ và các quy định của pháp luật. Trong thời gian vắng mặt, Giám đốc ủy quyền lại cho Phó Giám đốc hoặc người được ủy quyền thực hiện điều hành các hoạt động hàng ngày của Quỹ. Nội dung ủy quyền nêu rõ phạm vi công việc ủy quyền cụ thể, thời hạn ủy quyền cụ thể, báo cáo kết quả thực hiện công việc trong thời gian ủy quyền;

c) Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động, phương án huy động vốn, cho vay và các hoạt động khác; kế hoạch tài chính và lập báo cáo quyết toán Quỹ trình Chủ tịch Quỹ để Chủ tịch Quỹ trình cấp có thẩm quyền hoặc thông qua theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện;

d) Ban hành hoặc trình Chủ tịch Quỹ ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ) Lựa chọn, trình Chủ tịch Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh Phó giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ trên cơ sở phê duyệt chủ trương của Thường trực Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc sau khi được Chủ tịch Quỹ chấp thuận về chủ trương. Quyết định tạm đình chỉ công việc của người lao động và chỉ định người tạm thời thay thế phù hợp với quy định pháp luật;

g) Dự thảo, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ về tổ chức, quản trị và hoạt động của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định ban hành theo trình tự quy định pháp luật và quy định tại Điều lệ này;

h) Ký các hợp đồng nhân danh Quỹ theo ủy quyền của Chủ tịch Quỹ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền bắt buộc phải là Chủ tịch Quỹ;

i) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Chủ tịch Quỹ để trình các cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chân thực của báo cáo tài chính, các báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;

k) Quyết định tuyển dụng, bố trí, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhân viên của Quỹ theo Bộ Luật lao động. Quyết định khen thưởng, kỷ luật người lao động theo quy định của Quỹ và quy định pháp luật;

l) Thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định các dự án, phương án vay vốn. Thuê các tổ chức hành nghề luật, luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý để thực hiện xử lý nợ và các hoạt động khác của Quỹ;

m) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật;

n) Tổ chức thực hiện các kiến nghị của Kiểm soát viên đối với Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Kiểm soát viên kết quả thực hiện các kiến nghị;

o) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tịch Quỹ.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

a) Tuân thủ pháp luật, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ;

b) Trung thành với lợi ích của Quỹ, không sử dụng thông tin, bí quyết hoạt động của Quỹ, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Chấp hành các quyết định của Chủ tịch Quỹ;

d) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Quỹ và Liên minh Hợp tác xã tỉnh và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 22. Quan hệ giữa Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ trong quản lý, điều hành Quỹ

Chủ tịch Quỹ ban hành quy định nội bộ về phân công, phân cấp trong quản lý điều hành và mối quan hệ công tác giữa Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Quỹ.

Điều 23. Phó Giám đốc Quỹ

1. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Số lượng Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Quỹ quyết định nhưng tối đa không quá 02 (hai) người [*tùy theo quy mô, nhu cầu quản lý Quỹ*].

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 **Điều 19** Điều lệ này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ;

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Giám đốc Quỹ:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo phân công của Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ;

b) Thực hiện đúng nội dung ủy quyền trong thời gian Giám đốc vắng mặt;

c) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Chủ tịch Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 24. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Chủ tịch Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê tài chính của Quỹ theo phân công của Giám đốc và phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ. Kế toán trưởng của Quỹ được bổ nhiệm với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện để được bổ nhiệm Kế toán trưởng:

a) Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện tại các điểm a, b, c, d khoản 3 **Điều 20** Điều lệ này;

b) Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không phải là thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ mua, bán tài sản trong Quỹ;

d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc của Quỹ.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kế toán trưởng:

a) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ theo phân công và ủy quyền của Giám đốc Quỹ, phù hợp với quy định của pháp luật; giúp *[người đại diện theo pháp luật]* giám sát tài chính tại Quỹ;

b) Độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

c) Chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính và kế toán của Quỹ cho Giám đốc để báo cáo các cấp có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Quỹ và pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền;

đ) Tuân thủ các quy định theo Luật Kế toán và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 25. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ điều hành, quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của bộ máy giúp việc trên cơ sở chấp thuận của Chủ tịch Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu các chức danh lãnh đạo của bộ máy giúp việc và cán bộ, nhân viên.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện để được quy hoạch, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo bộ máy giúp việc do Chủ tịch Quỹ quy định.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc

Tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch và Giám đốc Quỹ trong điều hành, quản lý Quỹ, thực hiện chức năng quản lý nghiệp vụ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5. Tuyển dụng

a) Quỹ căn cứ chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động 5 (năm) năm và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ để xây dựng kế hoạch lao động hàng năm làm cơ sở để tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định pháp luật về lao động;

b) Việc tuyển dụng lao động được thực hiện theo quy định tại quy chế tuyển dụng, đào tạo lao động và quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo và người quản lý của Quỹ.

6. Khen thưởng và kỷ luật

a) Các tổ chức, cá nhân của Quỹ có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng, phát triển Quỹ, hoặc có nhiều đóng góp mang lại hiệu quả trong hoạt động của Quỹ được khen thưởng theo quy chế khen thưởng do Chủ tịch Quỹ ban hành.

b) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Điều lệ này và các quy định nội bộ của Quỹ, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật theo quy định nội bộ của Quỹ và pháp luật có liên quan.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ VÀ BẢO MẬT, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 26. Chế độ tài chính, kế toán

1. Chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo của Quỹ được tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế quản lý tài chính, tài sản phù hợp với quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 27. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, thực hiện các nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

3. Thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

Điều 28. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a) Vốn điều lệ;
 - b) Các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - d) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản;
 - đ) Chênh lệch thu chi chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - e) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ.
2. Vốn huy động từ các tổ chức, cá nhân trong nước theo quy định tại Điều lệ này và quy định tại Điều 32 Nghị định 45/2021/NĐ-CP.
3. Các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ của Quỹ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 45/2021/NĐ-CP.

Căn cứ khả năng cân đối, ngân sách tỉnh bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 56/2021/NQHĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025. Trường hợp Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND được sửa đổi hoặc hết hiệu lực, mức hỗ trợ bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Việc thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thông qua trên cơ sở đề nghị của Liên minh hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch đầu tư.

Điều 30: Nguyên tắc quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Quỹ

1. Việc quản lý, sử dụng vốn của Quỹ hợp tác xã phải đảm bảo an toàn, đúng mục đích và có hiệu quả để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ hợp tác xã theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

2. Đối với quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi:

a) Quỹ hợp tác xã được gửi tại các ngân hàng thương mại thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo nguyên tắc đảm bảo an toàn và phát triển vốn;

b) Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hợp tác xã trung ương và ngược lại theo thỏa thuận giữa các bên;

c) Quỹ hợp tác xã xây dựng quy chế nội bộ về quản lý và sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do chủ tịch Quỹ ban hành, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau: Tiêu chí lựa chọn ngân hàng thương mại để gửi tiền đảm bảo nguyên tắc an toàn và phát triển vốn; thẩm quyền quyết định lựa chọn ngân hàng.

3. Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ:

a) Quỹ hợp tác xã được mua sắm, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 10% vốn điều lệ thực có tại thời điểm quyết định đầu tư, mua sắm; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư, xây dựng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ;

Điều 31. Bảo đảm an toàn vốn

Quỹ có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn vốn hoạt động như sau:

1. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối kết quả tài chính, thực hiện chế độ quản lý tài chính và chế độ kế toán theo đúng quy định tại Điều lệ này, hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thực hiện các quy định về giới hạn cho vay Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Mua bảo hiểm tài sản đối với tài sản pháp luật quy định phải mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Hạch toán vào chi phí hoạt động khoản dự phòng rủi ro cho vay theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phúc lợi và chế độ khác

1. Người quản lý, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của Quỹ được hưởng chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi và các chế độ khác theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Người quản lý làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng chế độ thù lao, tiền thưởng và chế độ khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

3. Người quản lý làm việc theo chế độ chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả hoạt động của Quỹ.

4. Chủ tịch Quỹ ban hành quy chế về tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Quỹ theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 33. Doanh thu của Quỹ

1. Các khoản thu của Quỹ được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan, có hóa đơn, chứng từ hợp lệ và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu.

2. Doanh thu của Quỹ bao gồm:

- a) Thu từ hoạt động nghiệp vụ;
- b) Thu từ hoạt động tài chính;
- c) Các khoản thu khác.

3. Cụ thể các khoản thu của Quỹ theo khoản 2 Điều này được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 34. Chi phí của Quỹ

1. Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động Quỹ; tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí; có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản chi do các nguồn kinh phí khác đài thọ. Việc xác định và hạch toán chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí được trừ khi xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Chi phí của Quỹ bao gồm:

- a) Chi phí lãi và các chi phí tương tự;
- b) Chi phí hoạt động dịch vụ;
- c) Chi hoạt động khác;
- d) Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí;
- đ) Chi cho cán bộ, nhân viên Quỹ;
- e) Chi cho hoạt động quản lý và công vụ;

g) Chi về tài sản;

h) Chi trích lập dự phòng rủi ro cho vay;

i) Chi tham gia các hoạt động do Liên minh Hợp tác xã tỉnh, trung ương tổ chức liên quan đến hoạt động của Quỹ;

k) Các khoản chi phí khác.

3. Các khoản chi không được hạch toán vào chi phí của Quỹ:

a) Các khoản thiệt hại đã được Nhà nước hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

b) Các khoản chi phạt của cá nhân do vi phạm hành chính, bao gồm: Vi phạm pháp luật giao thông; vi phạm pháp luật kế toán thống kê và các khoản vi phạm hành chính khác theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ;

d) Các khoản chi thuộc nguồn kinh phí khác đài thọ;

đ) Các khoản chi của cá nhân ủng hộ địa phương, các tổ chức xã hội, các cơ quan khác;

e) Các khoản chi vượt định mức theo quy định của Bộ Tài chính đối với Quỹ.

4. Cụ thể các khoản chi phí của Quỹ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 35. Kết quả tài chính và phân phối kết quả tài chính

1. Kết quả tài chính là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí phát sinh trong năm tài chính:

a) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm thặng dư khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả dương;

b) Kết quả tài chính của Quỹ trong năm bị thâm hụt khi chênh lệch giữa thu nhập và chi phí phát sinh trong năm tài chính của Quỹ có kết quả âm.

2. Khi kết quả tài chính trong năm của Quỹ đạt thặng dư, sau khi trả tiền phạt do vi phạm các quy định của pháp luật và bù đắp khoản thâm hụt từ những năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển;

b) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính;

c) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Quỹ;

- Quỹ xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

- Quỹ xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi;

- Quỹ xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

d) Trích quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên:

- Quỹ xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

- Quỹ xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý và kiểm soát viên;

- Quỹ xếp loại C thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên.

đ) Trường hợp chênh lệch thu chi còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điểm a và b khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định thì Quỹ được giảm mức trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên theo mức quy định nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

e) Số còn lại (nếu có) sau khi trích lập các quỹ trên được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển của Quỹ.

3. Mục đích sử dụng các quỹ:

a) Quỹ đầu tư phát triển dùng để mua sắm, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động; mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của Quỹ và bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ. Chủ tịch Quỹ quyết định hình thức và biện pháp đầu tư phù hợp với quy định;

b) Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí;

c) Quỹ thưởng người quản lý và kiểm soát viên dùng để thưởng cho người quản lý và kiểm soát viên của Quỹ. Mức thưởng do Chủ tịch Liên minh hợp tác xã tỉnh quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả hoạt động của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Quỹ;

d) Quỹ khen thưởng được dùng để thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho cá nhân, tập thể của Quỹ trên cơ sở năng suất lao động hoặc thành tích công tác;

đ) Quỹ phúc lợi được sử dụng để chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, công trình phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ của Quỹ; chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ; chi cho hoạt động phúc lợi khác của Quỹ;

e) Chủ tịch Quỹ quy định cụ thể về mục đích sử dụng quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính tại quy chế quản lý tài chính, tài sản của Quỹ. Giám đốc Quỹ quy định cụ thể mục đích sử dụng, quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Khi kết quả tài chính trong năm bị thâm hụt, Quỹ được chuyển số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí sang năm sau, thời gian chuyển không quá 05 năm. Nếu sau 05 năm, Quỹ không chuyển hết số chênh lệch thu nhập nhỏ hơn chi phí, Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc giảm hoặc bổ sung vốn điều lệ, cơ cấu, tổ chức lại hoặc giải thể, phá sản Quỹ.

Điều 36. Chế độ báo cáo

Trách nhiệm lập và gửi báo cáo:

1. Kiểm soát viên

Thực hiện báo cáo theo Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh.

2. Giám đốc Quỹ

a) Lập các báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm trình Chủ tịch Quỹ gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh, Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, giám sát;

b) Gửi Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm để tổng hợp báo cáo Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Chính phủ theo quy định.

3. Các loại báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm của Quỹ tại khoản 2 Điều này gồm:

a) Báo cáo tài chính, gồm: Bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả hoạt động; báo cáo lưu chuyển tiền tệ; báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu; bản thuyết minh báo cáo tài chính; báo cáo tình hình thu chi tài chính; báo cáo tình hình phân phối chênh lệch thu, chi và sử dụng các quỹ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

c) Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm.

d) Các Báo cáo định kỳ và đột xuất khác theo yêu cầu của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

4. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất trước ngày 15 tháng 7 hàng năm;

b) Báo cáo năm gửi chậm nhất sau 60 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; riêng báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Quỹ do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện gửi chậm nhất sau 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

5. Phương thức gửi báo cáo: Phương thức gửi báo cáo: gửi văn bản trực tiếp hoặc gửi qua hệ thống gửi nhận văn bản điện tử.

6. Trường hợp đột xuất, Quỹ có trách nhiệm, nghĩa vụ cung cấp thông tin, báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu.

7. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

8. Giám đốc Quỹ ban hành quy định về báo cáo định kỳ hàng năm và đột xuất của Quỹ gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 37. Đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Tăng trưởng dư nợ cho vay;

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nợ xấu (bao gồm dư nợ các nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 theo kết quả phân loại nợ của Quỹ);

c) Chỉ tiêu 3: Kết quả tài chính hàng năm;

d) Chỉ tiêu 4: Tình hình chấp hành pháp luật về cho vay, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, chế độ báo cáo tài chính.

2. Khi tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ tại khoản 1 Điều này, Quỹ được loại trừ các yếu tố khách quan về:

a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Thay đổi về chính sách của Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

3. Phương thức xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

4. Liên minh Hợp tác xã tỉnh thực hiện giao chỉ tiêu và đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm của Quỹ.

Điều 38. Thanh tra, kiểm tra và kiểm toán

1. Quỹ chịu sự thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của Cơ quan Thanh tra, Kiểm tra và Kiểm toán Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán hoặc kiểm toán Nhà nước theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chủ tịch Quỹ ban hành quy định về phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hàng năm của Quỹ.

Điều 39. Chế độ lưu giữ tài liệu của Quỹ

1. Quỹ lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính của Quỹ:

a) Điều lệ Quỹ; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; các quy chế quản lý nội bộ của Quỹ;

b) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Quỹ;

c) Các biên bản họp; các quyết định của Quỹ;

d) Báo cáo của Kiểm soát viên; Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

đ) Hồ sơ tín dụng;

e) Tài sản bảo đảm;

g) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán của Quỹ;

h) Các tài liệu khác theo quy định nội bộ của Quỹ, Điều lệ này và pháp luật liên quan.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Quỹ.

3. Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Bảo mật và công khai thông tin

1. Những người làm việc tại Quỹ và những người liên quan không được tự ý tiết lộ những thông tin, bí mật về hoạt động của Quỹ mà mình biết.

2. Giám đốc Quỹ quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài Quỹ. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Quỹ chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Giám đốc Quỹ hoặc người được Giám đốc Quỹ ủy quyền.

3. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Giám đốc Quỹ là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương V

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VÀ QUỸ HỖ TRỢ VỚI PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

Điều 41. Nguyên tắc phối hợp hoạt động

Quỹ phối hợp với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam theo các nguyên tắc sau:

1. Bình đẳng, cùng có lợi vì mục tiêu chung phục vụ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.
2. Đảm bảo hiệu quả, an toàn vốn trong quá trình phối hợp hoạt động.
3. Thực hiện trên cơ sở phối hợp hoạt động có sự thỏa thuận thống nhất giữa các bên.

Điều 42. Nội dung phối hợp hoạt động

1. Nhận ủy thác vốn từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam thực hiện hoạt động cho vay.
2. Cho vay hợp vốn đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh hiệu quả, khả thi theo nhu cầu của các bên.
3. Vốn nhàn rỗi của Quỹ có thể gửi tại Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và ngược lại.
4. Thực hiện các giải pháp đầu tư chung hệ thống công nghệ thông tin để kết nối trực tuyến giữa Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã các tỉnh Hà Tĩnh khác.
5. Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ công nhân viên của Quỹ.
6. Phối hợp tổ chức các hoạt động dịch vụ gắn với hoạt động cho vay trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

7. Phối hợp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn, giới thiệu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thành viên tổ hợp tác và hợp tác xã về hoạt động của Quỹ và Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam.

8. Lập và gửi báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm theo **Điều 36** Điều lệ này về Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam để tổng hợp báo cáo Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

9. Các hình thức phối hợp hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chương VI

QUAN HỆ GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ TẠI ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 43. Quan hệ với Hội đồng nhân dân tỉnh

Quỹ chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện và quản lý Quỹ theo Quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

Điều 44. Quan hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hoạt động của Quỹ.

2. Định kỳ hàng năm và đột xuất, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kết quả và tình hình hoạt động Quỹ theo quy định.

3. Trong quá trình hoạt động, Quỹ kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc và nguyên nhân phát sinh với Ủy ban nhân dân tỉnh; đề xuất việc bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách cho hoạt động của Quỹ.

4. Hàng năm, Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả hoạt động của Quỹ, đề xuất những giải pháp khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Định kỳ 6 tháng và hàng năm Quỹ lập và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

6. Quỹ xây dựng, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh để Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành.

Điều 45. Quan hệ với Liên minh Hợp tác xã tỉnh

1. Quỹ chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của Liên minh Hợp tác xã tỉnh theo Điều lệ Quỹ và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo với Liên minh Hợp tác xã tỉnh để phục vụ cho việc đánh giá hiệu quả và xếp loại Quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 46. Quan hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Nội vụ, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh và các sở, ngành liên quan.

1. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của các sở, ngành về các nghiệp vụ, các lĩnh vực liên quan, thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu quản lý của các sở, ngành liên quan trong tỉnh.

2. Quỹ có trách nhiệm báo cáo với Liên minh hợp tác xã tỉnh, đề xuất Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan và đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định về nội dung điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ của Quỹ theo từng thời kỳ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, Quỹ báo cáo Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 47. Quan hệ với các cơ quan, tổ chức khác

1. Quỹ xây dựng mối quan hệ với các cơ quan, tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp ở trong và ngoài nước để thực hiện các nội dung: hợp tác, liên kết, tư vấn, hỗ trợ, đầu tư và chuyển giao công nghệ, đào tạo, thẩm định... nhằm phục vụ cho các hoạt động của Quỹ hoặc theo đề nghị của các đơn vị này.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- a) Nội dung hợp tác không trái với các quy định của pháp luật;
- b) Bình đẳng, cùng có lợi;
- c) An toàn, hiệu quả

Chương VII

TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH QUỸ

Điều 48. Giải quyết tranh chấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân khác, Quỹ ưu tiên giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, Quỹ đưa ra cơ quan trọng tài hoặc tòa án cấp có thẩm quyền để giải quyết theo trình tự quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 49. Các trường hợp giải thể Quỹ

Quỹ giải thể khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Quỹ không có đủ vốn điều lệ tối thiểu 20 (hai mươi) tỷ đồng trong thời hạn 03 (ba) năm theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP;

2. Quỹ bị các cơ quan thẩm quyền đánh giá xếp loại C trong 05 (năm) năm liên tiếp và tỷ lệ giá trị dư nợ cho vay (không bao gồm các khoản nhận uỷ thác cho vay) trên vốn chủ sở hữu thấp hơn 20% trong 05 (năm) năm liên tiếp.

2. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay cao hơn 50% vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp

3. Luỹ kế chênh lệch thu chi âm lớn hơn hoặc bằng 75% số vốn điều lệ thực có của Quỹ trong 05 (năm) năm liên tiếp.

4. Các trường hợp giải thể khác theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 50. Thẩm quyền quyết định giải thể Quỹ

Trên cơ sở đề xuất của Liên minh Hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh, ý kiến tham gia của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thông qua, phê duyệt chủ trương giải thể trước khi ban hành Quyết định giải thể Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP và pháp luật liên quan.

Điều 51. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ

Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải thể Quỹ Hỗ trợ hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh thực hiện theo quy định đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 52. Phá sản Quỹ

Việc phá sản Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh Hà Tĩnh thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 53. Chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ

1. Trường hợp Quỹ chuyển đổi mô hình hoạt động từ mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ sang mô hình hợp tác xã, Quỹ phải thực hiện xây dựng phương án chuyển đổi, xác định rõ nghĩa vụ xử lý của Quỹ hiện hành, phương án chuyển sang Quỹ hoạt động theo mô hình mới (phương án tài chính, quản lý điều hành, dư nợ tín dụng), báo cáo Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các cơ quan quản lý liên quan. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quyết định chuyển đổi mô hình theo đề nghị của Liên minh hợp tác xã tỉnh và trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh.

2. Quỹ thực hiện xử lý tài chính khi chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 54. Điều khoản thi hành

1. Các quy chế, quy định nội bộ của Quỹ phải bảo đảm việc tuân thủ nguyên tắc, nội dung quy định tại Điều lệ này.

2. Trong trường hợp quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc có quy định mới của pháp luật khác với nội dung Điều lệ này thì quy định đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.

3. Chủ tịch Quỹ, Kiểm soát viên, Giám đốc Quỹ và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.

Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc thực hiện các hợp đồng tín dụng, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan trước thời điểm ngày 15 tháng 5 năm 2024 thì tiếp tục thực hiện theo đúng các thỏa thuận đã ký kết tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, chứng thư bảo lãnh và các thỏa thuận khác. Trường hợp sửa đổi, bổ sung các thỏa thuận đã ký giữa Quỹ và các bên liên quan được thực hiện theo quy định tại Nghị định 45/2021/NĐ-CP.

2. Bộ máy giúp việc, người lao động đang làm việc tại Quỹ được giữ nguyên, tiếp tục công tác tại mô hình mới để đảm bảo tính liên tục, kế thừa và ổn định.

3. Tại thời điểm 15 tháng 5 năm 2024, căn cứ quy định trích dự phòng rủi ro cho vay quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định 45/2021/NĐ-CP, trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thừa so với số phải trích thì phần chênh lệch thừa được hoàn nhập vào thu nhập; trường hợp số dư dự phòng rủi ro của Quỹ thiếu so với số phải trích, trong vòng 12 tháng Quỹ thực hiện bổ sung dự phòng rủi ro theo quy định.

4. Trong thời gian Bộ Tài chính chưa ban hành hướng dẫn chế độ quản lý tài chính, Quỹ tiếp tục thực hiện quy định theo chế độ quản lý tài chính đang áp dụng cho Quỹ.

Điều 56. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình hoạt động, trường hợp có sự thay đổi của pháp luật liên quan đến Điều lệ này, các quy định trong Điều lệ không còn phù hợp với thực tế hoặc cần thay đổi, Liên minh Hợp tác xã tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp./.